TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 972/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

2. Bà Châu Thị Lệ

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Đỗ Lê Quỳnh Thư – Thư ký Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Duy Bảo Chinh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 190/2024/TLST-DS ngày 20/3/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 531/2024/QĐXXST-DS ngày 12/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 529/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S
Địa chỉ: Số 266-268 N, phường V, Quận B, Thành phố H.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T
Địa chỉ: Số 278 N, Phường V, Quận B, Thành phố H.
Giấy ủy quyền số 70/2024/UQ-TGĐ ngày 02/01/2024 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lý Hoàng T1
Địa chỉ: Số 162/144/7 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/2/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Đức Thắng trình bày:

Ngày 03/12/2019, ông Lý Hoàng T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp

đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.6%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Lý Hoàng T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 23.335.000 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Lý Hoàng T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.279.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Lý Hoàng T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/04/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 21.036.762 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 27/09/2024, ông Lý Hoàng T1 còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 21.036.762 đồng; Lãi quá hạn: 37.402.887 đồng; Tổng cộng: 58.439.649 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 21.036.762 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng (2.6% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu ông T1 có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông Lý Hoàng T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, ngân hàng TMCP S khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lý Hoàng T1 phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 58.439.649 đồng, (gồm nợ gốc là 21.036.762 đồng; lãi quá hạn là 37.402.887 đồng), đồng thời có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 28/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Lý Hoàng T1 vắng mặt nên không trình bày ý kiến cũng như đưa ra yêu cầu.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: Đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn là Ông Lý Hoàng T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và là loại tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 12, quận Gò Vấp: ‘‘Ông Lý Hoàng T1 sinh năm 1968 có thực tế cư trú tại 162/144/7 Nguyễn Duy Cung, Phường 12, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh”. Do đó, căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Do ông Lý Hoàng T1 không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) Hội đồng xét xử xác định Ngân Hàng Thương mại cổ phần S đã phát hành thẻ tín dụng cho ông T1, số thẻ là 356481-4610, hạn mức tín dụng 20.000.000 đồng với lãi suất 2.6%/tháng.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, đối với hợp đồng vay mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận.

Tại Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Ông T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành Thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thì quá trình sử dụng thẻ, ông Lý Hoàng T1 đã giao dịch với số tiền 23.335.000 đồng, đồng thời ông T1 cũng đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 13.279.000 đồng. Căn cứ Điều 20 Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng "…Việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ; Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ". Do đó, tính đến ngày 27/9/2024, ông T1 còn nợ Ngân hàng số tiền 58.439.649 đồng. Trong đó, nợ gốc 21.036.762 đồng; Lãi quá hạn 37.402.887 đồng.

Vì ông T1 chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền gốc của thẻ tín dụng nêu trên nên việc Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 23 của Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Xét thấy, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ về số tiền phải thanh toán và thời hạn thanh toán theo quy định tại cam kết đính kèm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng Hợp đồng tín dụng. Do đó căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm

2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lý Hoàng T1 phải thanh toán cho Ngân Hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền nợ tính đến ngày 27/9/2024 là 58.439.649 đồng (trong đó nợ gốc 21.036.762 đồng; Lãi quá hạn 37.402.887 đồng); Thanh toán làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] *Về khoản tiền lãi kể từ sau ngày tòa xét xử sơ thẩm:*

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Kể từ ngày 28/9/2024, ông Lý Hoàng T1 còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án, yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần S được chấp nhận nên ông Lý Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.921.982 đồng. Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân Hàng TMCP S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 1 Điều 273, Khoản 1 Điều 280, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ Luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc ông Lý Hoàng T1 phải thanh toán cho Ngân Hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) của thẻ tín dụng số thẻ 356481-4610 tổng số tiền là 58.439.649 (Năm mươi tám triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm bốn mươi chín) đồng. Trong đó, nợ gốc 21.036.762 đồng; Lãi quá hạn 37.402.887 đồng. Trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 28/9/2024, ông Lý Hoàng T1 còn phải chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lý Hoàng T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.921.982 đồng. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín số tiền tạm ứng án phí là 1.273.658 đồng theo Biên lai tạm nộp án phí số 0012789 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q.Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương